

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 61/2025/HS-ST

Ngày: 19-3-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HS ngày 10/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/HSST-QĐ ngày 26/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Danh Đ (Tên gọi khác: Xí Được), sinh năm 2002 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Khơ Me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Danh T, sinh năm 1972 và bà Thị Út D, sinh năm 1982; Chưa có vợ con; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày 24/7/2024. (có mặt).

2. Nguyễn Cường Ánh P (Tên gọi khác: B), sinh năm 1998 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969 và bà Trịnh Thị Kim Á, sinh năm 1978; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày 24/7/2024 (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Rơ Mah C, sinh năm 2002.

Nơi thường trú: Làng S, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Siu S, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Làng S, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Anh Siu B1, sinh năm 2003.

Nơi thường trú: Làng S, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nơi ở hiện nay: Tổ B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Rmah K, sinh năm 2004. Nơi thường trú: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

(Anh Cha, ông S, anh B1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh Được, Nguyễn Cường Ánh P, Nguyễn Trí T2, R, Rơ Mah C, Siu B1 và Trần Văn V có mối quan hệ quen biết với nhau, cùng ở trọ tại khu vực ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19/7/2024, anh C đang chơi game tại tiệm Internet “Mạnh Cường” thuộc ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì Đ và T2 đến hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Sonic (chưa được cấp biển số) của anh C để đi chơi, anh C đồng ý rồi đưa chìa khóa xe cho T2. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh C không thấy Đ trả xe nên đã đi tìm Được để đòi xe. Khi đến phòng trọ ở ấp A, xã S, huyện T thì anh C gặp Được, lúc này trong phòng trọ có Được, T2, P và K, Được bắt anh C phải chỉ chỗ ở của anh Siu B1, anh C đưa địa chỉ chỗ ở của anh Siu B1 thì Đ nói T2 đi tìm chỗ anh Siu B1 đến gặp Được, khi T2 đến phòng trọ của anh Siu B1 yêu cầu anh Siu B1 đi theo Thức đến gặp Đ nhưng anh Siu B1 không đồng ý đi cùng T2, T2 quay về nói cho Được biết thì Đ nói P đi cùng T2 để gây áp lực, ép Siu B2 phải đến gặp Được. Khi T2 và P gặp anh Siu B1, P hỏi anh Siu B1 “sao T2 nói qua gặp Được lại không qua?”, anh Siu B1 sợ bị đánh nên lên xe để T2 và P chở đi. Lúc này T2 điều khiển xe mô tô chở anh Siu B1 ngồi giữa, P ngồi sau cùng đi về phòng số 14 của Trần Văn V tại khu nhà trọ

của ông Huỳnh Văn N, thuộc tổ D, ấp A, xã S, huyện T. Lúc này V đang ở trong phòng trọ một mình, một lúc sau thì Đ và K cũng chở anh C đến phòng trọ của V. Được nói mọi người đi ra ngoài, chỉ có Được, anh C và anh Siu B1 ở trong phòng, Đ dùng tay chân đánh nhiều cái vào người vào mặt của anh Siu B1 sau đó Được hỏi Siu B1 lý do tại sao Siu B1 và người em ngoài xã hội của Được cùng bị Công an xã S bắt nhưng Siu B1 được thả về còn em của Được thì không được thả, đồng thời Được hỏi Siu B1 về số tiền anh Siu B1 nợ một đối tượng tên L (chưa xác định được nhân thân lai lịch) là bạn của Đ là 1.200.000 đồng, Đ yêu cầu anh B1 phải trả lại tiền cho bạn của Được. Anh B1 bị Đ đánh nên đồng ý và hứa ngày hôm sau sẽ đưa tiền cho Đ. Đến khoảng 1 giờ ngày 20/7/2024 V yêu cầu Được trả phòng cho V nên Đ nói P, K và T2 đưa anh B1 và anh C qua phòng trọ số 35 của Được thuê (cùng dãy trọ của ông Huỳnh Văn N), Đ nói P trông giữ không cho anh B1 và anh C về để ngày hôm sau lấy tiền, sau đó P dẫn T2 và K ở lại phòng trọ số 35 trông coi anh B1 và anh C, còn Đ và P đi về phòng trọ của bạn Đ ở khu vực ngã 3 Cây Dừa thuộc ấp A, xã S để ngủ.

Đến khoảng 5 giờ ngày 20/7/2024 anh Siu B1 và anh C nói K và T2 cho về để đi làm thì T2 và K đồng ý. Đến khoảng 5 giờ 30 phút cùng ngày Được và P quay lại phòng trọ 35 không thấy anh Siu B1 và anh C, Đ hỏi T2 thì biết T2 cho anh Siu B1 và anh C về, Đ chửi và dùng chân đá vào người T2, Đ yêu cầu T2 đi tìm bắt anh Siu B1 và anh C về cho Đ.

Sau khi được thả về anh Siu B1 sợ bị Được bắt lại đánh nên đã đi đến phòng trọ khác ở, còn anh C bị Đ và P bắt lại khi đang trên đường đi về phòng trọ. Được ép anh C lên xe mô tô hiệu Honda Sonic (chưa được cấp biển số) của anh C để đưa đi tìm anh Siu B1 nhưng không tìm được nên Đ bắt anh C về phòng trọ số 35 của Được, Được tiếp tục dùng tay chân đánh đập, đe dọa và bắt anh C phải đi cầm cố xe mô tô Honda Sonic của anh C để lấy tiền đưa cho Đ. Đ nói P đưa C đi đến các tiệm cầm đồ để cầm xe nhưng do xe mô tô của C đang trả góp, chưa được cấp biển số nên không cầm được. Khoảng 23 giờ ngày 20/7/2024, Đ và P đưa anh C về lại phòng trọ số 35, Được tiếp tục đánh đập, dùng dao và chiếc bật lửa hình khẩu súng chỉ vào mặt anh C đe dọa, ép buộc anh C phải gọi điện thoại cho gia đình gửi 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) để đưa cho Đ thì mới cho anh C về. Do sợ bị Đ và P đánh nên anh C đồng ý và hẹn Được đến hôm sau sẽ liên hệ gia đình lấy tiền đưa cho Đ. Sau đó P và Đ lấy sợi dây dù buộc cửa phòng lại nhốt anh C trong phòng trọ rồi bỏ đi ngủ. Đến khoảng 7 giờ ngày 21/7/2024 P quay lại phòng trọ số 35 đưa cho anh C 01 chiếc điện thoại di động yêu cầu anh C gọi điện về cho gia đình để chuyển tiền, anh C gọi cho ông Siu S (là bố của anh C) nói ông S: *“bố gửi cho con 12.000.000 đồng để mấy đứa này thả con ra, không là nó chém nó giết”*, P yêu cầu ông S

đúng 17 giờ là phải chuyển tiền. Lúc này ông S biết việc anh C bị bắt cóc nên đến khoảng 17 giờ cùng ngày ông S đã nhờ người chuyển khoản số tiền 12.000.000 đồng theo yêu cầu của P qua số tài khoản 00937553998 của bà Đỗ Thị V1 (là điểm rút tiền nhanh ở ấp A, xã S) cho anh C. Sau khi trừ phí rút tiền là 40.000 đồng, bà V1 đưa số tiền 11.960.000 đồng cho P, P cầm số tiền này và chở anh C về phòng trọ số 35, P đưa toàn bộ số tiền 11.960.000 đồng cho Đ, Được chia cho P 1.200.000 đồng, cho K 700.000 đồng (khi Được cho Klong tiền, Được không nói và K cũng không biết tiền do Đ và P phạm tội mà có), Được mua 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XR với số tiền 5.200.000 đồng, còn lại Được tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi được thả anh Rơ Mah C và anh Siu B1 đã đến Công an xã S để trình báo sự việc.

Ngày 02/8/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Danh Đ và Nguyễn Cường Ánh P về tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 20/11/2024 quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Đ và P về tội: “Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật” để điều tra. Quá trình điều tra, Được và P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên .

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, chưa được cấp biển số, số máy KB11E1260898, số khung MH1KB1113LK261285; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu tím; 01 điện thoại Oppo màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR; 01 bật lửa hình khẩu súng; 01 sợi dây dù màu đen; 01 USB ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-TB ngày 13/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố các bị cáo Danh Đ và Nguyễn Cường Ánh P về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” và “Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật” theo điểm c khoản 2 Điều 169 và điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng theo điểm c khoản 2 Điều 169 và điểm đ khoản 2 Điều 157, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo:

+ D1 Được từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” và 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tổng hợp hình phạt theo quy định;

+ Nguyễn Cường Ánh P từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tổng hợp hình phạt theo quy định.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối 01 USB ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án là chứng cứ lưu hồ sơ vụ án;

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, số khung MH1KB1113LK261285, số máy KB11E1260898, trước đây có biển số 83Z1-044.41 được cấp cho anh Lý Minh V2, sinh năm: 1982, địa chỉ: ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 06/7/2024 anh V2 đã bán chiếc xe trên cho anh Rơ Mah C, hiện nay Công an huyện L đã thu hồi đăng ký, biển số xe để làm thủ tục sang tên cho anh C nhưng anh C chưa làm thủ tục đăng ký cấp biển số xe theo quy định, xe có nguồn gốc hợp pháp do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại xe cho anh C;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo YO2A màu tím (có gắn sim số 0599.535.365) thu giữ của Nguyễn Cường Ánh P, do P dùng tiền có được từ việc phạm tội mà có đi chuộc về, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XR có nguồn gốc của Đ dùng tiền do phạm tội mà có để mua, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen (có gắn sim số 0588.403.757) là tài sản hợp pháp của K, đề nghị Tòa tuyên trả lại cho K;

+ Đối với 01 bật lửa hình khẩu súng và 01 sợi dây dù màu đen là công cụ Được sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 con dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại Được dùng để đe dọa anh C, sau khi thực hiện hành vi phạm tội Được đã vứt bỏ ở khu vực đường vành đai khu công nghiệp B, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

- Về dân sự: Hiện nay anh Rơ Mah C và ông Siu S yêu cầu Được và P phải trả lại số tiền 12.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Được và P chưa bồi thường cho ông S.

Anh Siu B3 và anh Rơ Mah C từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình và đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại anh Rơ Man C1, ông Siu S, anh Siu B1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Rmah K vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội và điều luật áp dụng: Vào tối ngày 19/7/2024 tại ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Danh Đ và Nguyễn Cường Ánh P đã có hành vi ép buộc anh Siu B1 phải đi từ phòng trọ của anh B1 đến phòng trọ số 14 tại khu nhà trọ của ông Huỳnh Văn N, thuộc tổ D, ấp A, xã S, huyện T, sau đó Đ và P đã giữ anh B1 và anh Rơ Mah C tại phòng trọ số 14 đến 5 giờ ngày 20/7/2024 thì anh B1 và anh C được thả về.

Tiếp theo trong khoảng thời gian từ 16 giờ ngày 20/7/2024 đến 17 giờ ngày 21/7/2024 tại phòng trọ số 35 khu nhà trọ của ông Huỳnh Văn N thuộc ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Danh Đ và Nguyễn Cường Á1 P có hành vi bắt và nhốt anh Rơ Mah C trong phòng trọ sau đó đe dọa buộc anh C phải gọi điện cho ông Siu S (là bố của anh C) chuyển tiền cho Đ và P số tiền 12.000.000 đồng.

Như vậy hành vi của các bị cáo Danh Đ và Nguyễn Cường Ánh P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” và “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại Khoản 2 Điều 169 và điểm d Khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo

vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nguyên nhân xuất phát từ lòng tham muốn lấy tiền của người khác để tiêu xài cho bản thân mà các bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn, trong đó vai trò của các bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo Đ là người khởi xướng và thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực cùng với bị cáo Đ bắt giữ Cha và yêu cầu C phải gọi điện về nhà yêu cầu gia đình chuyển tiền, sau đó cho C đến điểm rút tiền và sau đó cùng với Đ tiêu xài số tiền vừa chiếm đoạt của Rơ Man C1 nên P cũng phải chịu một mức án tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối 01 USB ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án nên cần lưu tại hồ sơ vụ án;

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, số khung MH1KB1113LK261285, số máy KB11E1260898, trước đây có biển số 83Z1-044.41 được cấp cho anh Lý Minh V2, sinh năm: 1982, địa chỉ: ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 06/7/2024 anh V2 đã bán chiếc xe trên cho anh Rơ Mah C, hiện nay Công an huyện L đã thu hồi đăng ký, biển số xe để làm thủ tục sang tên cho anh C nhưng anh C chưa làm thủ tục đăng ký cấp biển số xe theo quy định, xe có nguồn gốc hợp pháp do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại xe cho anh C là đúng quy định;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo YO2A màu tím (có gắn sim số 0599.535.365) thu giữ của Nguyễn Cường Ánh P, do P dùng tiền có được từ việc phạm tội mà có đi chuộc về, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XR có nguồn gốc của Đ dùng tiền do phạm tội mà có để mua, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen (có gắn sim số 0588.403.757) là tài sản của K. Tuy nhiên, tại cáo trạng số 33/CT-VKS-TB ngày 13/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đề nghị tách hành vi của K ra tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ xử lý sau nên chiếc điện thoại di

động hiệu Oppo màu xanh đen (có gắn sim số 0588.403.757) của K không xử lý trong vụ án này mà cần tách ra điều tra xử lý sau;

- Đối với 01 bật lửa hình khẩu súng và 01 sợi dây dù màu đen là công cụ Được sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 con dao dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại Được dùng để đe dọa anh C, sau khi thực hiện hành vi phạm tội Được đã vứt bỏ ở khu vực đường vành đai khu công nghiệp B, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Rơ Mah C và ông Siu S yêu cầu bị cáo Đ và P phải trả lại số tiền 12.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa các bị cáo Đ và P cũng đồng ý liên đới bồi thường mỗi phần bằng nhau nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Anh Siu B3 và anh Rơ Mah C từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

[6] Đối với Nguyễn Trí T2: Quá trình điều tra Được và P khai không nói cho T2 biết mục đích bắt, giữ anh C và anh B1, hiện nay T2 không có mặt tại địa phương, do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện T tách ra tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ xử lý sau.

Đối với Rmah K: Quá trình Được và P bắt, giữ anh C và anh Bôk K1 không biết mục đích của Đ và P, khi Đ cho K1 số tiền 700.000 đồng, K1 cũng không biết tiền do Đ và P phạm tội mà có, hiện nay K1 không có mặt tại địa phương, do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện T tách ra tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ xử lý sau.

Đối với Trần Văn V không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ và P nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không xử lý.

Đối với bà Đỗ Thị V1 khi nhận chuyển khoản số tiền 12.000.000 đồng và rút ra đưa tiền mặt cho P, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ và P nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không xử lý.

[7] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đ và P phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hình sự là 600.000 đồng (Mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 169, điểm đ khoản 2 Điều 157, s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tuyên bố các bị cáo Danh Đ và Nguyễn Cường Ánh P phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo **D1 Được** 06 (S1) năm tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **09 (C2) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày **24/7/2024**.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Cường Ánh P** 05 (Năm) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” và 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **08 (T3) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2025.

Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ vai trò của Nguyễn Trí T2, Rman K2 trong vụ án này.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Danh Đ và Nguyễn Cường Ánh P phải tiếp tục liên đới bồi thường cho ông Siu S số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Trong đó phần nghĩa vụ liên đới của hai bị cáo là bằng nhau.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục tạm giữ các tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Vivo YO2A màu tím (có gắn sim số 0599.535.365) thu giữ của Nguyễn Cường Ánh P; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XR của Được để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa hình khẩu súng đã cũ, đã qua sử dụng; 01 sợi dây dù màu đen đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/01/2025 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

3. Về án phí tòa án: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Buộc các bị cáo Danh Đ và Nguyễn Cường Ánh P mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

4. Bị cáo Đ và P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- Đường sự vắng mặt;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Đài Đào Thị Giang

Bùi Thị Bích Hồng

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- Người bào chữa;
- Đường sự vắng mặt;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Bích Hồng